TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Khoa;
Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QDSST-HNGĐ ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn L, sinh năm: 1978;
Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Kim T, sinh năm: 1982;
Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Dương Văn L trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Dương Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 03/3/2004, số 17 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Quá trình sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bà T không chí thú làm ăn, chăm lo gia đình, mà nghe lời bạn bè rủ rê, quen biết người khác, rồi bỏ nhà đi không có liên lạc gia đình, thời gian bỏ đi từ năm 2014 đến nay. Trước đây, khoảng 2-3 năm, ông L có làm đơn xin ly hôn, nhưng vì công việc đi làm ăn xa nên từ bỏ việc ly hôn với bà T. Nay xét thấy tình cảm vợ không còn, mâu thuẫn đã nghiêm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vậy nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Dương Thị H, sinh ngày 03/3/2004 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Dương Thị Kim T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2023 Công an xã H cung cấp bà T có thường trú tại địa chỉ thôn M, xã H, đi làm ăn xa nhưng có đi về tại địa phương. Theo biên bản làm việc ngày 01/11/2023 với ông Dương Kỳ P (cha ruột bà T) cung cấp thông tin bà T có chồng là ông L, đã ly thân 10 năm, nhưng hiện nay đang đi làm ăn xa, không đến Tòa án được.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng giấy triệu tập của Tòa án; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Cháu Dương Thị H, sinh ngày 03/3/2004 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Dương Văn L yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Dương Thị Kim T có địa chỉ tại huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng bị đơn Dương Thị Kim T vắng mặt không lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Dương Văn L và bị đơn Dương Thị Kim T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2004, số 17 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn trình bày: Giữa ông L và bà T không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân được một thời gian dài, hai bên không còn liên lạc với nhau.

Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các biên bản xác minh của Tòa án ngày 28/11/2023 tại Công an xã H thể hiện bà T hiện đi làm ăn xa nhưng có về nơi cư trú và sinh sống tại thôn M, huyện P và biên bản làm việc ngày 01/11/2023 của Tòa án với ông Dương Đình P (cha ruột bà T) cung cấp có nội dung bà Trúc đã ly thân với ông Lĩnh trên 10 năm.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng ông L và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng nên đã sống ly thân nhiều năm, hai bên không còn tình cảm để hàn gắn và duy trì mối quan hệ hôn nhân hạnh phúc, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình "*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". HĐXX xét có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là tên Dương Thị H, sinh ngày 03/3/2004 hiện nay đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản sản chung, nợ chung. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét các đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Dương Văn L được ly hôn với bị đơn Dương Thị Kim T.

2. Về con chung: Cháu Dương Thị H, sinh ngày 03/3/2004 hiện nay đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Dương Văn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0010176 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã H
(CNKH số 17 ngày 03/3/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền